

**UBND TỈNH BẮC GIANG  
SỞ TƯ PHÁP**



**TÌM HIỂU  
LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ  
NĂM 2019**

*Bắc Giang, năm 2020*



## LỜI NÓI ĐẦU

Luật Dân quân tự vệ năm 2009 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2009, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2010. Sau hơn 9 năm thực hiện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo cơ sở pháp lý để xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Dân quân tự vệ, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, cơ sở.

Tuy nhiên, nhiều chủ trương, quan điểm mới của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến Dân quân tự vệ chưa được thể chế và cụ thể hóa. Đồng thời, từ năm 2009 đến nay, Quốc hội đã ban hành một số luật có nội dung liên quan đến Dân quân tự vệ. Do vậy, Luật Dân quân tự vệ và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật có nhiều quy định không còn phù hợp, thiếu thống nhất, chưa đầy đủ, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quốc phòng và pháp luật có liên quan. Cũng như nhiều vấn đề mới phát sinh trên thực tiễn liên quan đến Dân quân tự vệ chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ, đã bộc lộ nhiều hạn chế, vướng mắc, bất cập về xây dựng, huấn luyện, đào tạo, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ.

Vì vậy, ngày 22/11/2019, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã thông qua Luật Dân quân tự vệ, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Luật Dân quân tự vệ năm 2019 gồm 8

chương, 50 điều (giảm 1 chương, 16 điều so với Luật Dân quân tự vệ năm 2009) quy định về nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động, chế độ chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dân quân tự vệ. Trong đó có nhiều nội dung được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan cũng như phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, góp phần củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, sẵn sàng chuyển sang thế trận chiến tranh dân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Để góp phần trang bị, phổ biến những quy định của Luật Dân quân tự vệ năm 2019 đến các báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể nhân dân, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang biên soạn và phát hành cuốn sách "*Tìm hiểu Luật Dân quân tự vệ năm 2019*".

Trong quá trình biên soạn tài liệu không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự trao đổi, chia sẻ và góp ý của quý bạn đọc.

Sở Tư pháp trân trọng giới thiệu!

**SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG**

# Phần thứ nhất

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### 1. Đối tượng điều chỉnh

Luật Dân quân tự vệ quy định về nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Dân quân tự vệ (Điều 1).

### 2. Giải thích từ ngữ

- *Dân quân tự vệ* là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) gọi là tự vệ.

- *Dân quân tự vệ tại chỗ* là lực lượng làm nhiệm vụ ở thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là thôn) và ở cơ quan, tổ chức.

- *Dân quân tự vệ cơ động* là lực lượng cơ động làm nhiệm vụ trên các địa bàn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- *Dân quân thường trực* là lực lượng thường trực làm nhiệm vụ tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng.

- *Dân quân tự vệ biển* là lực lượng làm nhiệm vụ trên các hải đảo, vùng biển Việt Nam.

- *Mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ* là biện pháp bổ sung công dân trong độ tuổi chưa thực hiện nghĩa vụ quân

sự, nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, công dân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, quân nhân dự bị chưa sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên cho đơn vị Dân quân tự vệ.

- *Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức* là tổ chức được thành lập ở cơ quan, tổ chức để thực hiện công tác quốc phòng.

Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức không bao gồm Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành trung ương được thành lập theo quy định của Luật Quốc phòng.

- *Công tác Dân quân tự vệ* là hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý, điều hành về tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, đào tạo, hoạt động và bảo đảm cho Dân quân tự vệ.

Như vậy, so với Luật Dân quân tự vệ năm 2009 thì tại Điều 2 Luật Dân quân tự vệ năm 2019 đã bỏ quy định về "*Dân quân tự vệ nòng cốt*", "*Dân quân tự vệ rộng rãi*", chỉ sử dụng khái niệm "*Dân quân tự vệ*" để phù hợp với Điều 66 Hiến pháp năm 2013 (*Nhà nước xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lực lượng thường trực hợp lý, lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng*), thống nhất với Luật Quốc phòng (*Quốc phòng là công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt*) và các luật có liên quan khác. Đồng thời

bổ sung giải thích các cụm từ về "*Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức*", "*Công tác Dân quân tự vệ*" để thống nhất cách hiểu các cụm từ này trong Luật Dân quân tự vệ.

### **3. Về vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Dân quân tự vệ**

*- Vị trí, chức năng*

Dân quân tự vệ là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh (Điều 3).

*- Nguyên tắc tổ chức, hoạt động*

Dân quân tự vệ được tổ chức, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ, trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; sự chỉ huy cao nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; sự chỉ huy của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, người chỉ huy đơn vị quân đội. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; dựa vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và hệ thống chính trị để thực hiện nhiệm vụ. Xây dựng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp; tổ chức, biên chế của Dân quân tự vệ phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn với địa bàn và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, tổ chức; thuận tiện cho lãnh

đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ quan, tổ chức (Điều 4).

Luật Dân quân tự vệ năm 2019 đã bổ sung quy định sự chỉ huy của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và người chỉ huy đơn vị Quân đội vào trong nguyên tắc tổ chức, hoạt động của dân quân tự vệ để bảo đảm chặt chẽ nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với dân quân tự vệ và phù hợp với thực tế.

#### **4. Về nhiệm vụ của Dân quân tự vệ**

Luật Dân quân tự vệ năm 2019 đã kế thừa 07 nhiệm vụ của Luật Dân quân tự vệ năm 2009, đồng thời, bổ sung nhiệm vụ: *"Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền"* để thống nhất với Luật Quốc phòng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Dân quân tự vệ trong tình hình mới và các loại hình chiến tranh mới trong tương lai, cụ thể tại Điều 5 như sau:

*"1. Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức.*

*2. Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.*



3. Thực hiện nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập.

4. Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác theo quy định của pháp luật.

6. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật”.

### **5. Về thành phần của Dân quân tự vệ**

Theo Luật Dân quân tự vệ năm 2019, thành phần của Dân quân tự vệ gồm: Dân quân tự vệ tại chỗ; Dân quân tự vệ cơ động; Dân quân thường trực; Dân quân tự vệ biên; Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế (Điều 6)

Như vậy, so với Luật Dân quân tự vệ năm 2009 thì Luật năm 2019 đã bổ sung Dân quân thường trực là một trong những thành phần của Dân quân tự vệ, điều đó khẳng định địa vị pháp lý của Dân quân thường trực là lực lượng thường trực làm nhiệm vụ tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng và phù hợp với thực tế hiện nay các địa phương đã và đang thực hiện.

## **6. Về độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình**

### *- Về độ tuổi*

Luật Dân quân tự vệ 2019 quy định: Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi có nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; nếu tình nguyện tham gia Dân quân tự vệ thì có thể kéo dài đến hết 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ (khoản 1 Điều 8).

### *- Về thời hạn*

Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình của Dân quân tự vệ tại chỗ, Dân quân tự vệ cơ động, Dân quân tự vệ biển, Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế là 04 năm; dân quân thường trực là 02 năm. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương, cơ quan, tổ chức, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ được kéo dài nhưng không quá 02 năm; đối với dân quân biển, tự vệ và chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ được kéo dài hơn nhưng không quá 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ (khoản 2 Điều 8).

## **7. Đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, quản lý Dân quân tự vệ**

### *- Đăng ký thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ*

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân cũng như cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ cũng như nhằm mục đích cải cách

hành chính, tiết kiệm thời gian, nguồn lực của công dân và cơ quan, tổ chức theo tinh thần cải cách hành chính của Đảng và Nhà nước. Luật Dân quân tự vệ năm 2019 tại khoản 1 Điều 9 quy định: Tháng 4 hằng năm, căn cứ kết quả đăng ký nghĩa vụ quân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng ký cho công dân đủ 18 tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; tổ chức đăng ký bổ sung cho công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ khi thay đổi nơi cư trú đến đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã có trách nhiệm đăng ký cho công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; trường hợp thay đổi nơi làm việc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng ký cho công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

Đồng thời, Luật năm 2019 đã bổ sung quy định miễn đăng ký nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ như sau: Người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần theo quy định của pháp luật được miễn đăng ký nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

*- Quản lý Dân quân tự vệ*

Theo quy định của Luật thì: Dân quân tự vệ vắng mặt trong thời gian thực hiện nhiệm vụ phải báo cáo với người chỉ huy trực tiếp để xem xét, quyết định; nếu tạm vắng trong

thời gian từ 03 tháng trở lên phải báo cáo với Ban chỉ huy quân sự cấp xã nơi cư trú, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức hoặc người chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức (khoản 2 Điều 9).

### **8. Tiêu chuẩn, tuyển chọn và thẩm quyền quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ**

*- Tiêu chuẩn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ*

Công dân Việt Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, có đủ các tiêu chuẩn sau: Lý lịch rõ ràng; chấp hành nghiêm đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ của Dân quân tự vệ thì được tuyển chọn vào Dân quân tự vệ (khoản 1 Điều 10).

*- Tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ*

Việc tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ phải bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định của pháp luật; ngoài ra Quân nhân dự bị chưa sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được tuyển chọn vào đơn vị Dân quân tự vệ (khoản 2, khoản 3 Điều 10).

*- Thẩm quyền quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ (khoản 4 Điều 10).

## **9. Tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình**

*- Tạm hoãn hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình*

Công dân thuộc một trong các trường hợp sau: a) Phụ nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; nam giới một mình nuôi con dưới 36 tháng tuổi; b) không đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ của Dân quân tự vệ; c) có chồng hoặc vợ là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ trong Quân đội nhân dân; d) có chồng hoặc vợ là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân công an đang phục vụ trong Công an nhân dân; đ) có chồng hoặc vợ là cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; e) lao động duy nhất trong hộ nghèo, hộ cận nghèo; người phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; người trong hộ gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi công dân cư trú hoặc làm việc xác nhận; g) vợ hoặc chồng, một con của thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%; người đang học tại trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục

quốc dân; h) người đang lao động, học tập, làm việc ở nước ngoài thì được tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình (khoản 1 Điều 11).

So với Luật Dân quân tự vệ năm 2009 thì Luật năm 2019 đã sung thêm một số trường hợp được tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình quy định tại khoản a (*Nam giới một mình nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi*), khoản c, d (*người có chồng hoặc vợ là công chức, viên chức, công nhân quốc phòng đang phục vụ trong quân đội, công an*), khoản đ, khoản e (*trừ trường hợp lao động duy nhất trong hộ cận nghèo*), khoản g, khoản h (*người đang lao động, học tập, làm việc ở nước ngoài*).

- *Miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình*

Công dân thuộc một trong các trường hợp sau: a) Vợ hoặc chồng, con của liệt sĩ; b) vợ hoặc chồng, con của thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Quân nhân dự bị đã được sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên; d) người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng; người trực tiếp nuôi dưỡng người suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; đ) người làm công tác cơ yếu thì được miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình (khoản 2 Điều 11).

Việc quyết định cho tạm hoãn hoặc miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi

không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định.

Ngoài ra, theo quy định của Luật nêu công dân thuộc diện tạm hoãn quy định tại các điểm c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 11 và thuộc diện miễn quy định tại các điểm a, b, d khoản 2 Điều 11 nếu tình nguyện thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ thì được xem xét tuyển chọn vào Dân quân tự vệ.

### **10. Thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trước thời hạn, đưa ra khỏi danh sách Dân quân tự vệ**

*- Thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trước thời hạn*

Luật Dân quân tự vệ năm 2019 kế thừa 02 trường hợp của Luật năm 2009 được thôi nghĩa vụ trước thời hạn đó là: “*Không đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ của Dân quân tự vệ; hoàn cảnh gia đình khó khăn đột xuất không có điều kiện tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác nhận*” và bổ sung thêm 04 trường hợp được thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trước thời hạn để phù hợp hơn với thực tiễn, cụ thể tại khoản 1 Điều 12 Luật Dân quân tự vệ như sau: “*Dân quân tự vệ nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; Dân quân tự vệ nam một mình nuôi con dưới 36 tháng tuổi; có lệnh gọi nhập ngũ hoặc lệnh gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; có quyết định tuyển dụng vào công*

*chức, viên chức, công nhân quốc phòng, công nhân công an; có giấy báo và vào học ở cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; người có giấy báo và đi lao động, học tập, làm việc ở nước ngoài”.*

*- Đưa ra khỏi danh sách Dân quân tự vệ*

Từ ngày 01/7/2020, công dân đang thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nếu thuộc một trong các trường hợp như: Chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là mất tích, đã chết; bị khởi tố bị can; bị tước danh hiệu Dân quân tự vệ; bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; nghiện ma túy theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì sẽ bị đưa ra khỏi danh sách Dân quân tự vệ (khoản 2 Điều 12).

Đây là điểm mới của Luật năm 2019, là cơ sở pháp lý để người có thẩm quyền quyết định việc đưa ra khỏi danh sách Dân quân tự vệ nhằm xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, nâng cao chất lượng, khả năng sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức sẽ quyết định thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trước thời hạn hoặc đưa ra khỏi danh sách Dân quân tự vệ.



## **11. Hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ (Điều 13)**

- Dân quân tự vệ đã phục vụ đủ thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Dân quân tự vệ (*Dân quân tự vệ tại chỗ, Dân quân tự vệ cơ động, Dân quân tự vệ biển, Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế* là 04 năm; *dân quân thường trực* là 02 năm) thì được công nhận hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

- Công dân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nhưng còn trong độ tuổi quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Dân quân tự vệ (*Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi*) thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức sẽ đăng ký, quản lý để sẵn sàng mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.

- Đối với Dân quân thường trực được công nhận hoàn thành thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định công nhận công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

## **12. Các hành vi bị nghiêm cấm về Dân quân tự vệ**

Tại Điều 14 Luật Dân quân tự vệ quy định các hành vi nghiêm cấm về Dân quân tự vệ bao gồm: Thành lập, tham gia, tài trợ tổ chức, huấn luyện, điều động, sử dụng Dân quân tự vệ trái pháp luật. Trốn tránh, chống đối, cản trở việc tổ chức, huấn luyện, hoạt động và thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ. Giả danh Dân quân tự vệ. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ của Dân quân tự vệ được giao xâm phạm lợi ích của quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Sản xuất, vận chuyển, mua bán, thu gom, tàng trữ, sử dụng, chiếm giữ trái pháp luật vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, trang phục, sao mũ, phù hiệu, tài sản của Dân quân tự vệ. Phân biệt đối xử về giới trong công tác Dân quân tự vệ.

**Phần thứ hai**  
**TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, VŨ KHÍ, TRANG BỊ**  
**CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ**

**1. Tổ chức Dân quân tự vệ**

Tổ chức đơn vị của Dân quân tự vệ được quy định tại Điều 15 như sau:

- Thôn tổ chức tổ, tiểu đội hoặc trung đội dân quân tại chỗ.

- Cấp xã tổ chức trung đội dân quân cơ động. Cấp xã ven biển, đảo tổ chức trung đội dân quân cơ động và tiểu đội hoặc trung đội dân quân biển.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp xã tổ chức khẩu đội cối, tổ hoặc tiểu đội dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; cấp xã trọng điểm về quốc phòng tổ chức tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực.

- Cơ quan, tổ chức tổ chức tiểu đội, trung đội, đại đội hoặc tiểu đoàn tự vệ. Cơ quan, tổ chức có phương tiện hoạt động trên biển tổ chức tiểu đội, trung đội, hải đội hoặc hải đoàn tự vệ.

Trên cơ sở tổ chức đơn vị Dân quân tự vệ theo quy định trên, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp huyện tổ chức trung đội hoặc đại đội Dân quân tự vệ cơ động, trung đội Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực; cấp tỉnh tổ chức

đại đội Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh; cấp tỉnh ven biển tổ chức hải đội dân quân thường trực.

## **2. Mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ (Điều 16)**

Trong các trường hợp như: Khi thực hiện lệnh động viên cục bộ, tổng động viên; khi ban bố tình trạng khẩn cấp do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm hoặc tình hình đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sẽ quyết định mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.

## **3. Điều kiện tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp**

Luật năm 2009 chỉ quy định chung về việc tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp đó là: *“Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân tự vệ của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp về quy mô lao động, tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp với tổ chức, hoạt động của dân quân tự vệ, cấp có thẩm quyền quyết định việc thành lập đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp”*.

Điều 17 Luật Dân quân tự vệ năm 2019 đã quy định cụ thể các điều kiện của doanh nghiệp được xem xét quyết định thành lập đơn vị tự vệ, theo đó doanh nghiệp muốn thành lập đơn vị tự vệ thì phải có đủ 04 điều kiện sau:

- Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của Ủy ban nhân dân các cấp và sự chỉ huy của cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện;

- Theo yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đề án, kế hoạch tổ chức Dân quân tự vệ của địa phương nơi doanh

nghiệp hoạt động và phù hợp với tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

- Đã hoạt động từ đủ 24 tháng trở lên;
- Có số lượng người lao động đủ tiêu chuẩn tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ để tổ chức ít nhất 01 tiểu đội tự vệ.

#### **4. Hệ thống chỉ huy Dân quân tự vệ (Điều 18)**

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
- Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.
- Tư lệnh quân khu, Tư lệnh quân chủng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Cảnh sát biển, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh binh chủng, Tư lệnh binh đoàn.
- Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh.
- Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.
- Người đứng đầu doanh nghiệp quân đội có tổ chức tự vệ.
- Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.
- Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.
- Tiểu đoàn trưởng, Hải đoàn trưởng, Đại đội trưởng, Hải đội trưởng, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng, Khẩu đội trưởng đơn vị Dân quân tự vệ.
- Thôn đội trưởng.

#### **5. Chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ (Điều 19)**

- Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức có các chức vụ chỉ huy như sau:

+ Chỉ huy trưởng, Chính trị viên;

+ Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó.

- Đơn vị Dân quân tự vệ có các chức vụ chỉ huy như sau:

+ Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn, Phó Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên phó tiểu đoàn; Hải đoàn trưởng, Chính trị viên hải đoàn, Phó Hải đoàn trưởng, Chính trị viên phó hải đoàn;

+ Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội, Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội; Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội, Phó Hải đội trưởng, Chính trị viên phó hải đội;

+ Trung đội trưởng;

+ Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng, Khẩu đội trưởng;

+ Thôn đội trưởng kiêm chỉ huy đơn vị dân quân tại chỗ.

## **6. Ban chỉ huy quân sự cấp xã, thôn đội trưởng**

- Ban chỉ huy quân sự cấp xã là cơ quan thường trực công tác quốc phòng ở cấp xã, có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng, được sử dụng con dấu riêng theo quy định của pháp luật (khoản 1, khoản 2 Điều 20). Thành phần Ban chỉ huy quân sự cấp xã bao gồm:

+ Chỉ huy trưởng là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị; trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh được gọi vào phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

Luật năm 2019 đã quy định cụ thể chức danh Chỉ huy trưởng là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị và

bổ sung nội dung nếu trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh thì Chỉ huy trưởng được gọi vào phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và vẫn tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã. Luật năm 2009 quy định Chỉ huy trưởng là *thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã*.

+ Chính trị viên do Bí thư cấp ủy cấp xã đảm nhiệm.

+ Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đảm nhiệm.

+ Phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Ban chỉ huy quân sự cấp xã có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự theo quy định của pháp luật;

+ Chủ trì, phối hợp với ban, ngành, đoàn thể xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác quốc phòng và kế hoạch khác có liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cấp xã;

+ Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban, ngành, đoàn thể ở cấp xã tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho dân quân; chỉ huy dân quân thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quyết định của cấp có thẩm quyền;

+ Đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của đơn vị dân quân thuộc quyền theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền;

+ Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác quốc phòng địa phương theo quy định của pháp luật.

- Thôn đội trưởng có nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chi bộ thôn lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở thôn; quản lý, chỉ huy trực tiếp dân quân thuộc quyền; phối hợp thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng (khoản 4 Điều 20).

## **7. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức**

- Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức được xem xét thành lập khi cơ quan, tổ chức có đủ các điều kiện như: Có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, có đơn vị tự vệ của cơ quan, tổ chức (khoản 1 Điều 21).

- Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thành phần gồm Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức;



Chính trị viên là Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy cùng cấp, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó (khoản 2 Điều 21) .

- Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức được sử dụng con dấu riêng theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 21).

- Theo khoản 4 Điều 21, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Tham mưu cho cấp ủy Đảng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng;

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác quốc phòng, công tác tự vệ và kế hoạch khác có liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của cơ quan, tổ chức; phối hợp thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho tự vệ; chỉ huy tự vệ thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quyết định của cấp có thẩm quyền;

+ Đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của các đơn vị tự vệ thuộc quyền theo quy định của pháp luật;

+ Tham mưu cho cấp ủy Đảng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác quốc phòng.

## **8. Thẩm quyền thành lập, giải thể đơn vị Dân quân tự vệ, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 thì thẩm quyền thành lập đơn vị Dân quân tự vệ, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức như sau:

+ Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam quyết định thành lập đại đội Dân quân tự vệ pháo phòng không, đại đội Dân quân tự vệ pháo binh;

+ Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quyết định thành lập tiểu đoàn tự vệ; hải đội Dân quân tự vệ, hải đội dân quân thường trực; hải đoàn Dân quân tự vệ;

+ Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định thành lập đại đội tự vệ, đại đội dân quân cơ động; trung đội Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh; trung đội Dân quân tự vệ biển; tiểu đội, trung đội dân quân thường trực;

+ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định thành lập trung đội Dân quân tự vệ cơ động; tiểu đội, trung đội Dân quân tự vệ tại chỗ; khẩu đội Dân quân tự vệ pháo binh; tổ, tiểu đội dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; tiểu đội Dân quân tự vệ biển;

+ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã quyết định thành lập tổ dân quân tại chỗ sau khi báo cáo Ban chỉ huy quân sự cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã; nơi

không có đơn vị hành chính cấp xã do Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định thành lập;

+ Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô Hà Nội, Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định thành lập Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định thành lập thì có quyền quyết định giải thể đơn vị Dân quân tự vệ, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

- Đối với đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp quân đội thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thẩm quyền thành lập; trình tự, thủ tục thành lập, giải thể đơn vị Dân quân tự vệ, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức (khoản 3 Điều 22).

## **9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ**

- Thẩm quyền bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ được quy định tại khoản 1 Điều 23 như sau:

+ Tur lệnh quân khu, Tur lệnh Quân chủng Hải quân, Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô Hà Nội quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy tiểu đoàn, hải đoàn Dân quân tự vệ.

+ Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô Hà Nội, Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đại đội, hải đội Dân quân tự vệ; Tur lệnh Quân chủng Hải quân quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy hải đội tự vệ thuộc quyền quản lý.

+ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định bổ nhiệm Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng và Khẩu đội trưởng Dân quân tự vệ.

+ Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô Hà Nội, Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy của Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy của Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

- Các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ bị miễn nhiệm khi thay đổi vị trí công tác, thay đổi tổ chức mà không còn biên chế chức vụ đang đảm nhiệm hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện thực hiện chức vụ hiện tại. Cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức vụ nào thì có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm chức vụ đó (khoản 2 Điều 23).

- Về thẩm quyền bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm và quy định sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam giữ chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ trong trường hợp cần thiết (khoản 3 Điều 23).

## **10. Ngày truyền thống, trang phục, sao mũ, phù hiệu của Dân quân tự vệ**

Ngày truyền thống của Dân quân tự vệ là ngày 28 tháng 3 hằng năm (Điều 7).

Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, Dân quân tự vệ được cấp phát, sử dụng trang phục, sao mũ, phù hiệu theo quy định của Chính phủ (Điều 24).

**11. Trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho Dân quân tự vệ**

Dân quân tự vệ được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan (khoản 1 Điều 25).

## Phần thứ ba

# ĐÀO TẠO CHỈ HUY TRƯỞNG BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ; TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG CÁC CHỨC VỤ CHỈ HUY; HUẤN LUYỆN DÂN QUÂN TỰ VỆ

### 1. Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã (Điều 26)

Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã phải được đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học tại nhà trường quân đội.

Như vậy, Luật Dân quân tự vệ năm 2019 quy định: “Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã *phải được đào tạo* Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở...”, đây là quy định bắt buộc nhằm chuẩn hóa, thống nhất trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã. Trong khi Luật Dân quân tự vệ năm 2009 quy định: “Chỉ huy trưởng và Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã *được đào tạo* đạt trình độ trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở trở lên....”, đây là quy định mở, không bắt buộc, Chỉ huy trưởng và Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã nếu có nhu cầu sẽ được đào tạo.

### 2. Tập huấn, bồi dưỡng các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ (Điều 27)

Kể cả trong thời bình hay có tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh thì các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ đều được tập huấn, bồi dưỡng theo chương trình, nội dung, thời gian, danh mục vật chất huấn luyện do

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cho từng đối tượng đối với các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình của địa phương, cơ quan, tổ chức.

### **3. Huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ (Điều 28)**

- Trong thời bình, thời gian huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật hằng năm được quy định như sau:

+ Dân quân tự vệ năm thứ nhất là 15 ngày, trừ dân quân thường trực.

+ Dân quân tự vệ từ năm thứ hai trở đi là 12 ngày đối với Dân quân tự vệ cơ động, Dân quân tự vệ biển, Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; 07 ngày đối với Dân quân tự vệ tại chỗ.

+ Dân quân thường trực là 60 ngày.

- Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, Dân quân tự vệ được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình của địa phương, cơ quan, tổ chức.

So với Luật Dân quân tự vệ năm 2009 (*quy định việc huấn luyện này là chung cho cả thời bình và khi có tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh*) thì Luật năm 2019 đã chia việc huấn luyện cho Dân quân tự vệ thành hai loại đó là trong thời bình và trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh. Việc chia thành hai loại như vậy sẽ phù hợp hơn, bởi vì trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc có chiến tranh thì việc huấn luyện sẽ phải cấp bách hơn, khẩn trương hơn cho từng đối tượng dân quân tự vệ.

## **Phần thứ tư**

# **HOẠT ĐỘNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ**

### **1. Hoạt động sẵn sàng chiến đấu (Điều 29)**

Hoạt động sẵn sàng chiến đấu của dân quân tự vệ bao gồm các nội dung sau:

- Duy trì và thực hiện chế độ hoạt động sẵn sàng chiến đấu của Dân quân tự vệ.

- Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch về Dân quân tự vệ.

- Làm nòng cốt xây dựng thôn, xã, phường, thị trấn chiến đấu; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, khu vực phòng thủ, nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ở địa phương.

- Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và hoạt động khác.

### **2. Hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu (Điều 30)**

Hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu của Dân quân tự vệ bao gồm các nội dung sau:

- Mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Bảo vệ việc phòng tránh, sơ tán của cơ quan, tổ chức, Nhân dân và mục tiêu được giao.



- Đánh địch bảo vệ thôn, xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức trong khu vực phòng thủ.

- Phục vụ chiến đấu trong khu vực phòng thủ.

- Tham gia đấu tranh chính trị; xây dựng, củng cố thôn, xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức bám trụ chiến đấu.

### **3. Hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ (Điều 31)**

Dân quân tự vệ thực hiện phối hợp với các lực lượng chức năng trong các hoạt động sau đây:

- Bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam;

- Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật;

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; thực hiện chính sách xã hội;

- Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và hoạt động phòng thủ dân sự khác.

### **4. Thẩm quyền điều động Dân quân tự vệ (Điều 32)**

- Trong trường hợp chưa đến mức tuyên bố tình trạng chiến tranh, ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng khẩn cấp, lệnh thiết quân luật, giới nghiêm nếu thấy cần thiết sử dụng Dân quân tự vệ làm nhiệm vụ thì thẩm quyền điều động được quy định như sau:

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam điều động Dân quân tự vệ trong phạm vi cả nước.

+ Tư lệnh quân khu điều động Dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có Dân quân tự vệ được điều động.

+ Tư lệnh Quân chủng Hải quân điều động Dân quân tự vệ biển sau khi thống nhất với Tư lệnh quân khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi có Dân quân tự vệ biển được điều động.

+ Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội điều động Dân quân tự vệ trong địa bàn thành phố Hà Nội sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh điều động Dân quân tự vệ trong địa bàn cấp tỉnh sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Tư lệnh quân khu.

+ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện điều động Dân quân tự vệ trong địa bàn cấp huyện sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã điều động dân quân thuộc quyền trong phạm vi cấp xã sau khi

được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

+ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức điều động tự vệ thuộc quyền trong phạm vi cơ quan, tổ chức sau khi được sự nhất trí của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

+ Người đứng đầu doanh nghiệp quân đội điều động tự vệ thuộc quyền trong phạm vi của doanh nghiệp.

- Trong tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật, giới nghiêm thì việc điều động, sử dụng Dân quân tự vệ thực hiện theo quy định của Luật Quốc phòng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Phần thứ năm**  
**CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI**  
**DÂN QUÂN TỰ VỆ**

**1. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ (Điều 33)**

- Các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ quy định tại Điều 19 của Luật Dân quân tự vệ được hưởng phụ cấp chức vụ.

- Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng, bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế; nếu chưa tham gia bảo hiểm xã hội, có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên, khi nghỉ việc thì được trợ cấp một lần.

Như vậy, theo quy định của luật năm 2019 thì Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bảo hiểm y tế. Đây là quy định mới, trước đây Luật năm 2009 thì Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã đóng và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật; Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nếu có nhu cầu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trong thời gian giữ chức vụ thì được ngân sách địa phương hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy

định của pháp luật và mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo khả năng ngân sách của địa phương.

- Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân cơ động, dân quân thường trực được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự.

- Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên.

- Thôn đội trưởng được hưởng phụ cấp hằng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ Tiểu đội trưởng hoặc Trung đội trưởng dân quân tại chỗ.

## **2. Chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ (Điều 34)**

- Khi làm nhiệm vụ Dân quân được hưởng chế độ, chính sách như sau:

+ Đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế được trợ cấp ngày công lao động, bảo đảm tiền ăn; được hưởng chế độ khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động; được trợ cấp ngày công lao động tăng thêm trong trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ (điểm a khoản 1 Điều 34).

Khi làm nhiệm vụ trên biển được hưởng phụ cấp đặc thù đi biển; khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có

điều kiện đi, về hằng ngày thì được bố trí nơi nghỉ, bảo đảm phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu, xe một lần đi và về.

+ Đối với dân quân biển được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34. Ngoài ra khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được hưởng trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn tăng thêm; trường hợp là thuyền trưởng, máy trưởng được hưởng phụ cấp trách nhiệm tính theo ngày thực tế hoạt động trên biển.

+ Đối với dân quân thường trực được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34. Ngoài ra được hưởng trợ cấp một lần khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình; được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ; được bảo đảm nơi ăn, nghỉ.

Như vậy Luật năm 2019 đã bổ sung chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với dân quân thường trực. Việc quy định dân quân thường trực được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là một trong những chính sách mới nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ trong tình hình mới. Bởi vì Dân quân tự vệ, đặc biệt là dân quân thường trực luôn là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở; khi có chiến tranh; cùng với Quân đội nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đối với tự vệ thì khi làm nhiệm vụ được hưởng nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp, công tác phí, chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật; đối với tự vệ biển khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được hưởng thêm lương, ngạch bậc và tiền ăn tính theo ngày thực tế hoạt động trên biển.

### **3. Chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh (Điều 35)**

- Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ hoặc đang là học viên đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở thì được hưởng chế độ, chính sách sau đây:

+ Trường hợp không tham gia bảo hiểm y tế, nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương thì được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

+ Trường hợp không tham gia bảo hiểm xã hội, nếu bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; nếu chết thì được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí.

+ Trường hợp bị thương thì được xét hưởng chính sách như thương binh, nếu hy sinh thì được xét công nhận là liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

- Dân quân khi thực hiện biện pháp triệt sản, dân quân nữ khi thực hiện biện pháp đặt vòng tránh thai, dân quân nam có vợ sinh con được nghỉ thực hiện nhiệm vụ Dân quân

tự vệ; thời gian được nghỉ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

#### **4. Nhiệm vụ chi của Bộ Quốc phòng (Điều 37)**

- Trợ cấp ngày công lao động, bảo đảm tiền ăn và các chi phí cho hoạt động của Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam; kế hoạch của Tư lệnh quân khu, Tư lệnh quân chủng được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam phê duyệt.

- Xây dựng và thực hiện chiến lược, đề án, dự án, kế hoạch, nghiên cứu khoa học quân sự về Dân quân tự vệ.

- Thông tin, tuyên truyền về Dân quân tự vệ; hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống của Dân quân tự vệ do Bộ Quốc phòng, cơ quan, đơn vị của Quân đội nhân dân Việt Nam tổ chức.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao, diễn tập và hoạt động của Dân quân tự vệ do Bộ Quốc phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức, trừ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở.

- Xây dựng mô hình điểm về Dân quân tự vệ, công trình chiến đấu cho Dân quân tự vệ; xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện về quốc phòng, quân sự do Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu thực hiện.



- Xây dựng chương trình, biên soạn, xuất bản, in, phát hành giáo trình, tài liệu, mẫu biểu đăng ký, quản lý thống kê, mẫu biểu kế hoạch, giấy phép, tài liệu thông tin khoa học quân sự về Dân quân tự vệ.

- Sản xuất mẫu trang phục, sao mũ, phù hiệu, mô hình, học cụ, vật chất huấn luyện, băng, biển, cờ hiệu phục vụ hoạt động của Dân quân tự vệ.

- Sản xuất, mua sắm mô hình, học cụ, vũ khí, trang bị chuyên dùng quân sự; sao mũ của Dân quân tự vệ, kỷ niệm chương; trang thiết bị phòng học chuyên dùng tại các nhà trường quân đội phục vụ đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

- Bảo đảm vũ khí quân dụng, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho Dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự do Bộ Quốc phòng giao cho Dân quân tự vệ đảm nhiệm.

- Thực hiện hợp tác quốc tế về Dân quân tự vệ.

- Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác Dân quân tự vệ theo thẩm quyền và các nhiệm vụ chi khác cho Dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

So với Luật Dân quân tự vệ năm 2009 thì Luật năm 2019 đã bổ sung một số nội dung chi của Bộ quốc phòng như: *Xây dựng và thực hiện chiến lược, đề án, dự án, kế hoạch, nghiên cứu khoa học quân sự về Dân quân tự vệ và thực hiện hợp tác quốc tế về Dân quân tự vệ*; đồng thời đưa

nội dung chi: “Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở” của địa phương lên nội dung chi của Bộ Quốc phòng.

### **5. Nhiệm vụ chi của địa phương (Điều 38)**

- Xây dựng và thực hiện đề án, dự án, kế hoạch nghiên cứu khoa học quân sự về Dân quân tự vệ của địa phương.

- Đăng ký, khám sức khỏe, tuyển chọn, quản lý, tổ chức xây dựng lực lượng, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao, diễn tập, hoạt động của Dân quân tự vệ thuộc quyền; xây dựng kế hoạch và thực hiện quyết định mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.

- Thông tin, tuyên truyền về Dân quân tự vệ; hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống của Dân quân tự vệ do địa phương tổ chức.

- Bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 33, khoản 1 Điều 34 của Luật Dân quân tự vệ và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ phụ cấp các chức vụ trong Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, chức vụ chỉ huy đơn vị tự vệ của cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, ngành trung ương, tổ chức kinh tế.

- Bảo đảm chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh theo quy định tại Điều 35 của Luật Dân quân tự vệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Mua sắm trang phục, phù hiệu cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, dân quân, tự vệ của cơ quan, tổ chức của địa phương, trừ trường hợp

mua sắm trang phục, phù hiệu cho Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và tự vệ của cơ quan, tổ chức mình.

- Vận chuyển, sửa chữa, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, phương tiện, trang bị kỹ thuật; bảo đảm vũ khí thô sơ; công cụ hỗ trợ, phương tiện, trang bị thiết yếu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị Dân quân tự vệ.

- Xây dựng mới, sửa chữa kho tàng, công trình chiến đấu cho Dân quân tự vệ trong khu vực phòng thủ; nơi ăn, nghỉ của dân quân thường trực; trụ sở hoặc nơi làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

- Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự do địa phương giao cho Dân quân tự vệ đảm nhiệm.

- Thực hiện hợp tác quốc tế về Dân quân tự vệ theo thẩm quyền.

- Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác Dân quân tự vệ theo thẩm quyền và các nhiệm vụ chi khác cho Dân quân tự vệ của địa phương theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền giao.

Cũng giống như nội dung chi của Bộ Quốc phòng, nội dung chi của địa phương theo Luật năm 2019 cũng bổ sung một số nội dung chi của địa phương như: *Xây dựng và thực hiện đề án, dự án, kế hoạch nghiên cứu khoa học quân sự về Dân quân tự vệ của địa phương; thực hiện hợp tác quốc tế về Dân quân tự vệ theo thẩm quyền; khám sức khỏe, tuyển chọn Dân quân tự vệ thuộc quyền; xây dựng kế hoạch và thực hiện quyết định mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.*

## **6. Nhiệm vụ chi của cơ quan, tổ chức (Điều 39)**

- Đăng ký, khám sức khỏe, tuyển chọn, quản lý, tổ chức xây dựng lực lượng, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao, diễn tập, hoạt động của tự vệ thuộc quyền.

- Thông tin, tuyên truyền về Dân quân tự vệ; hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống của Dân quân tự vệ thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

- Bảo đảm phụ cấp các chức vụ của Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, chức vụ chỉ huy đơn vị tự vệ của cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, ngành trung ương, tổ chức kinh tế; chế độ, chính sách cho tự vệ như: Tiền lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp, công tác phí, chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Mua sắm trang phục, phù hiệu cho Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và tự vệ của cơ quan, tổ chức mình.

- Vận chuyển, sửa chữa, bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền cấp; mua sắm, sửa chữa, bảo quản vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật thiết yếu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị tự vệ.

- Kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác tự vệ theo thẩm quyền và các nhiệm vụ chi khác cho tự vệ của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

**Phần thứ sáu**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN TỔ CHỨC**  
**VỀ DÂN QUÂN TỰ VỆ**

**1. Trách nhiệm của Chính phủ (Điều 40)**

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Dân quân tự vệ và có trách nhiệm:

- Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về Dân quân tự vệ;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, dự án, kế hoạch về Dân quân tự vệ;

- Tổ chức xây dựng lực lượng, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm cho Dân quân tự vệ;

- Tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Dân quân tự vệ;

- Hợp tác quốc tế về Dân quân tự vệ;

- Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ.

**2. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng (Điều 41)**

Bộ Quốc phòng là cơ quan giúp Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về Dân quân tự vệ, có trách nhiệm:

- Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về Dân quân tự vệ.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng chiến lược, chính sách, đề án, dự án, kế hoạch, nghiên cứu khoa học về Dân quân tự vệ.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở; tập huấn, bồi dưỡng các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng lực lượng, huấn luyện quân sự, hoạt động, xây dựng kế hoạch và mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.

- Phối hợp với Bộ, ngành trung ương chỉ đạo, hướng dẫn địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng mô hình điểm về Dân quân tự vệ, công trình chiến đấu cho Dân quân tự vệ.

- Thực hiện hợp tác quốc tế về Dân quân tự vệ.

- Chủ trì hoặc phối hợp với Bộ, ngành trung ương, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ theo thẩm quyền.

- Tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Dân quân tự vệ.

### **3. Trách nhiệm của Bộ Công an (Điều 42)**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc phối hợp hoạt động giữa các đơn vị Công an nhân dân và Dân quân tự vệ trong bảo vệ an

ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

- Chỉ đạo công an các địa phương phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện pháp luật về Dân quân tự vệ.

#### **4. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan, tổ chức (Điều 43)**

- Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương, trừ Bộ Công an, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về Dân quân tự vệ và có trách nhiệm sau đây:

+ Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về Dân quân tự vệ liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý;

+ Tổ chức xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao, diễn tập và hoạt động của tự vệ;

+ Chỉ đạo và tổ chức thực hiện đề án, dự án, kế hoạch về Dân quân tự vệ theo nhiệm vụ được giao;

+ Chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ theo thẩm quyền;

+ Tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Dân quân tự vệ và thực hiện các nhiệm vụ khác về Dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các trách nhiệm

của Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương theo quy định trên; ngoài ra còn phải thực hiện các trách nhiệm sau đây:

+ Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan lập, trình Chính phủ dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương bảo đảm cho các nhiệm vụ thường xuyên về Dân quân tự vệ do trung ương quản lý và tổng hợp chung vào dự toán ngân sách, trình cấp có thẩm quyền;

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức liên quan phân bổ, bố trí ngân sách về các nhiệm vụ đầu tư cho Dân quân tự vệ do trung ương quản lý;

+ Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; về thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức vụ chỉ huy của Ban chỉ huy quân sự cấp xã;

+ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn địa phương, cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan chỉ đạo hướng dẫn về đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã trình độ trung cấp, cao đẳng ngành quân sự cơ sở;

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức liên quan chỉ đạo cơ sở giáo



dục đại học xây dựng chương trình, hướng dẫn về đào tạo  
Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã trình độ đại học  
ngành quân sự cơ sở;

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối  
hợp với Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức liên quan chỉ đạo  
cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với Dân quân tự vệ  
trong bảo vệ hải đảo, vùng biển, phòng, chống thiên tai, tìm  
kiếm, cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng;  
chỉ đạo, hướng dẫn việc đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép  
khai thác thủy sản đối với tàu, thuyền trang bị cho Dân quân  
tự vệ biển theo quy định của pháp luật.

#### **5. Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp (Điều 44)**

- Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ,  
quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

+ Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phê chuẩn,  
quyết định đề án, dự án, kế hoạch về Dân quân tự vệ theo  
quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có  
liên quan;

+ Quyết định ngân sách bảo đảm cho Dân quân tự vệ  
của địa phương;

+ Giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và thực  
hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về Dân quân tự vệ.

- Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ,  
quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về Dân  
quân tự vệ và có trách nhiệm sau đây:

+ Trình Hội đồng nhân dân ban hành; ban hành văn  
bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ

chức thực hiện công tác Dân quân tự vệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn, quyết định đề án, dự án, kế hoạch về Dân quân tự vệ.

+ Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền tổ chức xây dựng lực lượng, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao, diễn tập và hoạt động của Dân quân tự vệ.

+ Huy động tàu, thuyền, phương tiện dân sự bảo đảm cho Dân quân tự vệ tham gia bảo vệ hải đảo, vùng biển Việt Nam theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện hợp tác quốc tế về Dân quân tự vệ được giao.

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện quyết định mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ của cấp có thẩm quyền.

+ Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ theo thẩm quyền.

+ Tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Dân quân tự vệ.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác về Dân quân tự vệ của địa phương theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền giao.

## **6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận (Điều 45)**

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về Dân quân tự vệ; giám sát việc thực hiện pháp luật về Dân quân tự vệ.

**Phần thứ bảy**  
**THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**  
**VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**1. Thi đua, khen thưởng (Điều 46)**

Cơ quan quân sự địa phương các cấp, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng liên quan thực hiện công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ như: Tổ chức phong trào thi đua trong Dân quân tự vệ gắn với phong trào thi đua của cơ quan, tổ chức, địa phương và khen thưởng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và Dân quân tự vệ có thành tích trong thực hiện công tác Dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

**2. Xử lý vi phạm (Điều 47)**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật Dân quân tự vệ thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**3. Hình thức kỷ luật Dân quân tự vệ (Điều 48)**

- Đối với chiến sĩ Dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thì sẽ bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

+ Khiển trách.

+ Cảnh cáo.

+ Tước danh hiệu Dân quân tự vệ.

- Đối với các chức vụ chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thì sẽ bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

+ Khiển trách.

+ Cảnh cáo.

+ Giáng chức.

+ Cách chức.

+ Tước danh hiệu Dân quân tự vệ.

So với Luật Dân quân tự vệ năm 2009 thì Luật năm 2019 đã bổ sung thêm một hình thức kỷ luật “*Tước danh hiệu Dân quân tự vệ*” đối với các chức vụ chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ; đồng thời bỏ các hình thức kỷ luật đối với tổ chức dân quân tự vệ nếu vi phạm quy định của Luật Dân quân tự vệ hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan.

## MUC LUC

|   |    |
|---|----|
| <b>Lời nói đầu</b> .....  | 3  |
| <b>Phần thứ nhất: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....  | 5  |
| 1. Đối tượng điều chỉnh .....   | 5  |
| 2. Giải thích từ ngữ.....   | 5  |
| 3. Về vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động<br>của Dân quân tự vệ.....                               | 7  |
| 4. Nhiệm vụ của Dân quân tự vệ .....  | 8  |
| 5. Về thành phần của Dân quân tự vệ .....   | 9  |
| 6. Về độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân<br>quân tự vệ trong thời bình .....                       | 10 |
| 7. Đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân<br>quân tự vệ, quản lý Dân quân tự vệ.....                    | 10 |
| 8. Tiêu chuẩn, tuyển chọn và thẩm quyền quyết định công<br>dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.....    | 12 |
| 9. Tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân<br>tự vệ trong thời bình.....                              | 13 |
| 10. Thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ<br>trước thời hạn, đưa ra khỏi danh sách Dân quân tự vệ ..... | 15 |
| 11. Hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.....  | 17 |
| 12. Các hành vi bị nghiêm cấm về Dân quân tự vệ .....   | 18 |
| <b>Phần thứ hai: TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, VỮ KHÍ,<br/>TRANG BỊ CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ</b> .....                             | 19 |
| 1. Tổ chức Dân quân tự vệ .....   | 19 |
| 2. Mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.....  | 20 |
| 3. Điều kiện tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp .....   | 20 |

|   |           |
|---|-----------|
| 4. Hệ thống chỉ huy Dân quân tự vệ.....   | 21        |
| 5. Chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ.....  | 21        |
| 6. Ban chỉ huy quân sự cấp xã, thôn đội trưởng.....   | 22        |
| 7. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức .....   | 24        |
| 8. Thẩm quyền thành lập, giải thể đơn vị Dân quân tự vệ,<br>Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ<br>quan, tổ chức.....                        | 26        |
| 9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ chỉ huy Dân quân<br>tự vệ .....   | 27        |
| 10. Ngày truyền thống, trang phục, sao mũ, phù hiệu và<br>của Dân quân tự vệ.....   | 28        |
| 11. Trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ,<br>trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho Dân quân tự vệ .....                                | 29        |
| <b>Phần thứ ba: ĐÀO TẠO CHỈ HUY TRƯỞNG BAN<br/>CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ; TẬP HUẤN, BỒI<br/>DƯỠNG CÁC CHỨC VỤ CHỈ HUY; HUẤN<br/>LUYỆN DÂN QUÂN TỰ VỆ .....</b> | <b>30</b> |
| 1. Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.....   | 30        |
| 2. Tập huấn, bồi dưỡng các chức vụ chỉ huy Dân quân tự<br>vệ.....   | 30        |
| 3. Huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội<br>thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ .....   | 31        |
| <b>Phần thứ tư: HOẠT ĐỘNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ ....</b>   | <b>32</b> |
| 1. Hoạt động sẵn sàng chiến đấu .....   | 32        |
| 2. Hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu.....  | 32        |
| 3. Hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ .....  | 33        |
| 4. Thẩm quyền điều động Dân quân tự vệ.....   | 33        |

|  |    |
|--|----|
| <b>Phần thứ năm: CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI<br/>DÂN QUÂN TỰ VỆ</b> .....                             | 36 |
| 1. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với<br>các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ..... | 36 |
| 2. Chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ khi làm<br>nhiệm vụ.....                                | 37 |
| 3. Chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ bị ốm đau,<br>bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh..... | 39 |
| 4. Nhiệm vụ chi của Bộ Quốc phòng.....   | 40 |
| 5. Nhiệm vụ chi của địa phương.....  | 42 |
| 6. Nhiệm vụ chi của cơ quan, tổ chức.....  | 44 |
| <b>Phần thứ sáu: TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ<br/>CHỨC VỀ DÂN QUÂN TỰ VỆ</b> .....                    | 45 |
| 1. Trách nhiệm của Chính phủ.....  | 45 |
| 2. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng.....  | 45 |
| 3. Trách nhiệm của Bộ Công an.....   | 46 |
| 4. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan, tổ chức.....   | 47 |
| 5. Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp.....   | 49 |
| 6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ<br>chức thành viên của Mặt trận.....          | 50 |
| <b>Phần thứ bảy: THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ<br/>LÝ VI PHẠM</b> .....                                 | 51 |
| 1. Thi đua, khen thưởng.....   | 51 |
| 2. Xử lý vi phạm.....  | 51 |
| 3. Hình thức kỷ luật Dân quân tự vệ.....   | 51 |

**Chịu trách nhiệm xuất bản**  
**ĐỖ THỊ VIỆT HÀ**  
*Giám đốc Sở Tư pháp*

**Chịu trách nhiệm nội dung**  
**LÊ ANH TUẤN**  
*Phó Giám đốc Sở Tư pháp*

**Biên soạn**  
**NGUYỄN THỊ LOAN**  
*Trưởng phòng Phổ biến giáo dục pháp luật -  
Sở Tư pháp*

---

In 1.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm  
Tại Công ty TNHH Tính toán, In và Thương mại Bắc Giang  
Số 22, đường Ngô Văn Cảnh, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang  
Giấy phép xuất bản số: 51/GP-STTTT ngày 04/6/2020  
Do Sở TT&TT tỉnh Bắc Giang cấp  
In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.